

Số: 115/2025/QĐST-HNGĐ

T, ngày 24 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N – chi nhánh huyện T.

Địa chỉ: Số B T, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn L thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 20/11/2012, cho chị Trần Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh L trước khi tiến hành hòa giải cụ thể như sau: chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn L đã thống nhất thỏa thuận giao chị Trần Thị Hồng T quản lý, sử dụng diện tích đất 399,9m² thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ 21 và 01 căn nhà cấp 4, diện tích 108m² cất trên đất thuộc thửa số 100, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện TC thì căn nhà và đất nêu trên sẽ là tài sản riêng của chị T). Chị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản cho anh L là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về nợ chung:** Do vợ chồng anh L và chị T không vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng N không yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án này. Tuy nhiên chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn L thống nhất thỏa thuận (được sự đồng ý của Ngân hàng) chị T là người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 7404LAV202301308 ngày 14/4/2023, anh L không có nghĩa vụ cùng trả (nghĩa là khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện TC thì khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 7404LAV202301308 ngày 14/4/2023 là nợ riêng của chị T).

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng:** Chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T đồng ý nộp thay án phí cho anh L do đó chị T phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được cản trở vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006534 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện TC. Chị Trần Thị Hồng T được nhận lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- CCTHADS huyện TC;
- UBND xã H (số 98 quyển số 01; ngày 29/11/2012) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Quyền